

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/3/2024
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Huỳnh Thị Tỏ**
- Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**

Thư ký phiên tòa: Bà **Cà Thị Lan** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 475/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Ngọc V**, sinh năm xxxx (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Cụm xx, xã T, huyện Đ, Thành phố H.

Tạm trú: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: **Trần Quang V**, sinh năm xxxx, Là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phan Thị U, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

Địa chỉ: Số x T, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh T.

* Bị đơn: **Trần Thị Mỹ H**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh V là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Anh V1 và chị H chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H vay mượn tiền bạc của nhiều người với số tiền lớn, anh V1 đã nhiều lần khuyên nhủ chị H không được mà chị H đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ năm 2020 cho đến nay, anh V1 không liên lạc được với chị H, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh V1 yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị Mỹ H vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh V1 mặc dù Tòa đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến: - Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc V, cho anh Nguyễn Ngọc V được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc V yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm xxxx, tạm trú tại khu phố D, thị trấn T, huyện G, tỉnh T nên đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến của chị H đối với yêu cầu khởi kiện của anh V1 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Trần Thị Mỹ H.

Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc V có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc V.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh V1 và chị H có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh V1, căn cứ vào lời khai của anh và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh V1 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân là do chị H vay mượn tiền bạc của nhiều người với số tiền lớn, anh V1 đã nhiều lần khuyên nhủ chị H không được mà chị H đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ năm 2020 cho đến nay, anh V1 không liên lạc được với chị H, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh V1 yêu cầu được ly hôn với chị H. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho chị H biết yêu cầu ly hôn của anh V1 nhưng chị H vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không quan tâm đến kết quả giải quyết vụ án ly hôn của chị với anh V1 như thế nào. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V1 với chị H là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc V có yêu cầu ly hôn nên anh V1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc V và chị Trần Thị Mỹ H được ly hôn.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013073 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Nguyễn Ngọc V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND H.GCD;
- CC.THADS H.GCD;
- UBND thị trấn Tân Hòa, H.GCD;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Trinh

Nơi nhận:

- VKSND H.GCD;
- CC.THADS H.GCD;
- UBND xã Phương Phú, huyện
Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh